

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2021.

V/v: **Ly hôn**.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trường.

2. Ông Danh Quí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Cao Thế Lĩnh.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 349/2020/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2020, về việc: “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Chúc Th** – sinh năm 1992, có mặt.

Địa chỉ **ấp H, xã Đ**, huyện G, tỉnh K.

Bị đơn: Ông **Trần Văn C** - sinh năm 1988, vắng mặt.

Địa chỉ: **ấp H, xã Đ**, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn **bà Võ Thị Chúc Th** như sau: Bà kết hôn với ông **Trần Văn C** vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân **xã Đ**, huyện G, tỉnh K.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do **chồng bà không lo làm ăn, thường hay nhậu nhẹt và cờ bạc, bà kêu chồng bà đi làm nhưng chồng bà lại bỏ đi nhậu nên vợ chồng cự cãi. Từ ngày 20/11/2019, vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay và cũng không liên lạc với nhau, bà không biết hiện ông Trần Văn C đang ở đâu.** Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Trần Văn C**.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà **không có** con chung.

Về tài sản chung: **Vợ chồng bà không có tài sản chung nên bà** không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: **Vợ chồng bà không có nợ chung nên bà** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: **Bà xin được** ly hôn với **ông Trần Văn C.**

Về con chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn **ông Trần Văn C** đã được Tòa án thông báo tìm **ông** trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi **ông** đăng ký hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng **ông Trần Văn C** không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của **ông Trần Văn C**.

Tại phiên tòa nguyên đơn **bà Võ Thị Chúc Th** vẫn cương quyết ly hôn với **ông Trần Văn C**. Bà Th khai thêm, ông Trần Văn C không lo làm ăn mà mãi mê cờ bạc dẫn đến vợ chồng hục hặc **hai bên gia đình đều biết và khuyên giải nhiều lần nhưng ông Trần Văn C không thay đổi** nên vợ chồng bà không thể hàn gắn được.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: **Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải và thủ tục tố tụng tại phiên tòa là đúng theo qui định. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.**

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử xử cho **bà Võ Thị Chúc Th** được ly hôn với **ông Trần Văn C**. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp của **bà Võ Thị Chúc Th** và **ông Trần Văn C** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn C là bị đơn trong vụ án, **ông Trần Văn C** có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi **ông** đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay **ông Trần Văn C** vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Ngày 02/12/2020, Tòa án có làm việc với ông **Danh S,**

giữ chức vụ Trưởng ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh K, nơi ông Trần Văn C đăng ký hộ khẩu thường trú để xác minh về hôn nhân của bà Võ Thị Chúc Th và ông Trần Văn C thì được ông S cung cấp thông tin rằng ông Trần Văn C hiện vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa phương, ông Trần Văn C đã bỏ địa phương đi trên 06 tháng nay không trở về địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ông không biết, ở địa phương ông Trần Văn C và bà Võ Thị Chúc Th không có tranh chấp về tài sản hay nợ nần với ai. Theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Trần Văn C theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị Chúc Th và ông Trần Văn C kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh K vào năm 2011. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 211/2011, ngày 19 tháng 10 năm 2011, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Võ Thị Chúc Th và ông Trần Văn C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của bà Võ Thị Chúc Th và ông Trần Văn C là hôn nhân tự nguyện nhưng sau một thời gian sống chung thì vợ chồng ông bà không có tiếng nói chung do phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Võ Thị Chúc Th cho rằng ông Trần Văn C không lo làm ăn, thường hay nhậu nhẹt và cờ bạc, từ đó vợ chồng không còn tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cự cãi, bà và gia đình nhiều lần khuyên can nhưng ông Trần Văn C không thay đổi. Ngày 02/02/2021 và ngày 22/02/2021, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Trần Văn C không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Trần Văn C. Tại phiên tòa, bà Võ Thị Chúc Th tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Trần Văn C cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Chúc Th.

[4] Về con chung: Bà Võ Thị Chúc Th và ông Trần Văn C không có con chung với nhau nên bà không yêu cầu giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Võ Thị Chúc Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Võ Thị Chúc Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Võ Thị Chúc Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0009522, ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà Võ Thị Chúc Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Chúc Th.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Võ Thị Chúc Th và ông Trần Văn C được ly hôn với nhau.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thị Chúc Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0009522, ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang